

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, một trong những phương hướng phát triển kinh tế nước ta được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân (KTTN) ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Giải pháp được Đại hội Đảng đưa ra là hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách để doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN tiếp cận bình đẳng mọi cơ hội và các nguồn lực, trong đó có nguồn lực về vốn.

Bài viết dưới đây nhìn lại quá trình tài trợ vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với khu vực KTTN được thực hiện qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB), đề xuất những giải pháp nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả tài trợ của nguồn vốn này nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho KTTN phát triển.

1. Tình hình xây dựng chính sách tín dụng ưu đãi đối với KTTN

VDB được thành lập theo Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tổ chức lại Quỹ Hỗ trợ phát triển (DAF). Nhiệm vụ chính của VDB là thực hiện chính sách tín dụng đầu tư (TĐĐT) và tín dụng xuất khẩu (TDXK) của Nhà nước. Bên cạnh nhiệm vụ chính này, VDB còn được giao thực hiện một số nghiệp vụ cấp tín dụng khác

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TỪ NGUỒN VỐN TÍN DỤNG ƯU ĐÃI CỦA NHÀ NƯỚC

TS. Nguyễn Cảnh Hiệp *

như cho vay lại vốn ODA, bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn tại các ngân hàng thương mại. Đặc điểm chung của các nghiệp vụ tín dụng mà VDB thực hiện là hàm chứa trong đó khá nhiều ưu đãi của Nhà nước đối với đối tượng sử dụng vốn. Những ưu đãi đó có thể là ưu đãi về thời hạn cho vay, tài sản bảo đảm tiền vay, lãi suất cho vay, hoặc phí bảo lãnh.

Là cơ quan thực thi chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước, VDB cũng như tổ chức tiền thân là DAF đã tích cực tham gia vào việc xây dựng các chính sách của Nhà nước trong việc hỗ trợ vốn TĐĐT, TDXK cũng như các nguồn vốn khác (bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn tại ngân hàng thương mại, cho vay lại vốn ODA...) đối với khu vực KTTN. Trong quá trình đó, DAF và VDB luôn quan tâm và đề xuất với các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định về tài trợ vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực KTTN. Cụ thể:

- Về đối tượng tài trợ vốn tín dụng: Trong quá trình tham gia xây dựng các văn bản quy định về chính sách tài trợ vốn tín dụng (Nghị định số 106/2004/NĐ-CP về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, Nghị định số 151/2006/NĐ-CP và Nghị định số 75/2011/NĐ-CP về TĐĐT và TDXK của Nhà nước,

Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại, Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại...), DAF và VDB luôn chú trọng đến việc đề xuất đưa các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN (bao gồm cả công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân) vào đối tượng cho vay hoặc bảo lãnh. Thậm chí, đối với nghiệp vụ bảo lãnh vay vốn ngân hàng thương mại, VDB đã đề xuất Bộ Tài chính và Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg (có đối tượng tài trợ là các doanh nghiệp thuộc nhiều loại quy mô) bằng Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg (có đối tượng tài trợ là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó đa phần là doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN). Sự thay đổi này có tác dụng rất tích cực trong việc tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN được vay vốn tại các ngân hàng để phát triển sản xuất.

- Về các điều kiện tín dụng: Các văn bản về chính sách tín dụng do DAF và VDB thực hiện đều đưa ra quy định về điều kiện tín dụng theo hướng không phân biệt đối xử giữa thành phần KTTN với các thành phần kinh tế khác. Trong đó, đối với điều kiện về bảo đảm tiền vay, trước

* Ngân hàng Phát triển Việt Nam

đây theo quy định tại Nghị định số 43/1999/NĐ-CP, các chủ đầu tư thuộc khu vực KTTN khi vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, ngoài việc dùng tài sản hình thành bằng vốn vay để bảo đảm tiền vay, phải có tài sản thế chấp trị giá tối thiểu bằng 50% mức vốn vay; tuy nhiên, quy định này sau đó đã bị bãi bỏ khi Nghị định số 106/2004/NĐ-CP được ban hành để thay thế Nghị định số 43/1999/NĐ-CP, với quy định cho phép chủ đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế được Nhà nước cho vay đầu tư hoặc bảo lãnh tín dụng đầu tư đều có thể bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Trên cơ sở các Nghị định, Quyết định nói trên của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ cũng như các thông tư hướng dẫn thi hành của Bộ Tài chính, DAF và VDB đã ban hành các quy chế, quy trình nội bộ để thực hiện việc tài trợ vốn tín dụng, trong đó, doanh nghiệp vay vốn thuộc mọi thành phần kinh tế đều được đối xử như nhau, không có sự phân biệt đối xử giữa thành phần KTTN và các thành phần kinh tế khác.

2. Thực trạng triển khai chính sách tín dụng ưu đãi đối với KTTN

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về khuyến khích và tạo điều kiện phát triển KTTN, DAF và VDB đã tích cực thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN, thể hiện trên nhiều phương diện:

- DAF và VDB đã triển khai đầy đủ và rộng rãi các hoạt động tài trợ tín dụng theo đúng quy

định của Chính phủ đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN, bao gồm các nghiệp vụ: cho vay đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư, hỗ trợ sau đầu tư, cho vay xuất khẩu, cho vay lại vốn ODA, bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn tại ngân hàng thương mại... Thông qua các hoạt động nghiệp vụ nói trên, VDB và DAF đã cung ứng cho các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN một khối lượng vốn lên đến hàng trăm nghìn tỷ đồng, đáp ứng một bộ phận quan trọng về nhu cầu vốn cho hoạt động đầu tư, hoạt động xuất khẩu cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp.

- Trong giai đoạn kinh tế suy giảm sau năm 2008, VDB đã tích cực thực hiện việc hỗ trợ 4% lãi suất cho vay đầu tư và cho vay xuất khẩu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ để hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua khó khăn tài chính do tác động của suy thoái kinh tế; đồng thời, đề xuất Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính cho phép triển khai nghiệp vụ bảo lãnh cho doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn tại ngân hàng thương mại để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp này (trong đó đa phần là doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN) bổ sung nguồn vốn hoạt động, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh.

- Bên cạnh việc chủ động kiến nghị sửa đổi chính sách TĐĐT và TĐXK của Nhà nước, để mở rộng thêm khả năng đưa vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước vào khu vực KTTN, trong giai đoạn 2007-2010, VDB đã chủ động đề xuất và triển khai chương trình thí điểm cho vay vốn theo

ơ chế lãi suất thỏa thuận đối với các doanh nghiệp thuộc đối tượng vay vốn TĐĐT và TĐXK nhằm tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN cần vốn lưu động hoặc cần thêm vốn đầu tư để khai thác hiệu quả dự án đầu tư đã vay vốn từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước¹.

- Để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp gặp rủi ro trong sản xuất kinh doanh dẫn tới không trả được nợ, VDB đã kiến nghị Chính phủ ban hành Nghị định số 54/2013/NĐ-CP và Nghị định số 133/2013/NĐ-CP sửa đổi một số quy định về xử lý rủi ro tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ ban hành các quyết định về xử lý nợ xấu tại VDB, làm cơ sở để thực hiện các biện pháp xử lý đối với các khoản nợ gốc và nợ lãi quá hạn của các doanh nghiệp vay vốn (trong đó phần lớn là doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN), tạo điều kiện cho các doanh nghiệp này vượt qua khó khăn, khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh tạo nguồn thu trả nợ cho Nhà nước.

Những hoạt động nói trên của DAF và VDB đã có tác dụng mạnh mẽ trong việc thúc đẩy sự phát triển của khu vực KTTN trong từng giai đoạn, kể cả khi nền kinh tế phát triển sôi động cũng như khi nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đó, việc tài trợ vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với khu vực KTTN tại DAF và VDB thời gian qua cũng còn một số tồn tại, hạn chế:

Một là, số vốn tài trợ từ DAF và VDB vẫn còn khiêm tốn so

với quy mô và nhu cầu của các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN.

Hai là, hoạt động tài trợ vốn tín dụng của DAF và VDB chủ yếu gắn với việc đầu tư xây dựng hoặc xuất khẩu hàng hóa theo hợp đồng xuất khẩu nên chưa đáp ứng được yêu cầu sử dụng vốn đa dạng của các doanh nghiệp ở các công đoạn khác nhau của hoạt động sản xuất kinh doanh (nghiên cứu thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tạo nguồn nguyên liệu, xúc tiến thương mại...).

Ba là, một số khoản cho vay hoặc bảo lãnh đối với doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN chưa phát huy được hiệu quả như mong đợi, dẫn tới phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi.

Các tồn tại, hạn chế trong việc tài trợ vốn tín dụng của DAF và VDB đối với khu vực KTTN bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó bao gồm cả nguyên nhân từ sự bất ổn của môi trường kinh tế, từ những bất cập của cơ chế, chính sách cũng như từ sự hạn chế về năng lực kinh doanh và quản lý của khu vực KTTN.

Xét về năng lực của khu vực KTTN, đa phần các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế này là doanh nghiệp vừa và nhỏ, có tiềm lực tài chính không lớn, trình độ công nghệ không cao, năng lực và kinh nghiệm quản lý còn hạn chế. Với những đặc điểm này, doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN gặp rất nhiều khó khăn khi sử dụng nguồn vốn tín dụng của Nhà nước, thể hiện trên các mặt:

Thứ nhất, do không tổ chức tốt công tác kế toán nên sổ sách kế



toán của các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN thường phản ánh không chính xác và đầy đủ tình hình tài chính của doanh nghiệp, dẫn tới khó khăn cho DAF và VDB trong quá trình thẩm định, đánh giá năng lực tài chính của doanh nghiệp để quyết định cho vay hoặc bảo lãnh.

Thứ hai, do không có kinh nghiệm trong việc thực hiện các thủ tục đề nghị vay vốn hoặc bảo lãnh (đặc biệt là các thủ tục liên quan đến việc đầu tư xây dựng và lựa chọn nhà thầu) nên hồ sơ đề nghị cấp tín dụng của các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN thường có nhiều thiếu sót và tốn nhiều thời gian để bổ sung, hoàn chỉnh.

Thứ ba, do không có nhiều tài sản và không huy động được tài sản của bên thứ ba nên các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN gặp khó khăn trong việc vay vốn tín dụng của Nhà nước bởi không đáp ứng được điều kiện về bảo đảm tiền vay theo quy định của Chính phủ.

Thứ tư, do hạn chế về năng lực tài chính và công nghệ cũng như trình độ quản lý nên các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN

thường xuyên bị thua thiệt trong cạnh tranh với trên thị trường, dẫn tới thua lỗ, không trả được nợ vay, vì vậy không được tiếp tục vay vốn tín dụng của Nhà nước.

Xét về môi trường kinh tế, tình hình kinh tế trong nước và thế giới những năm qua đã chứng kiến rất nhiều biến động, trong đó có những giai đoạn biến động lớn (chẳng hạn như suy thoái kinh tế kéo dài từ năm 2008) đã ảnh hưởng rất tiêu cực đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, trong đó có cả doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN. Ngoài ra, quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng của kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới đã đặt các doanh nghiệp Việt Nam trước sự cạnh tranh khốc liệt với các doanh nghiệp đến từ các nền kinh tế có trình độ phát triển cao hơn. Với năng lực cạnh tranh bị hạn chế xuất phát từ những yếu kém về tiềm lực tài chính, công nghệ và trình độ quản lý, các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh do khả năng chống chọi với biến động thị



Đặc điểm chung của các nghiệp vụ tín dụng mà VDB thực hiện hàm chứa trong đó khá nhiều ưu đãi của Nhà nước đối với đối tượng sử dụng vốn

trường của nhiều doanh nghiệp còn ở mức thấp, chưa xây dựng chiến lược kinh doanh có chiều sâu và có tầm nhìn dài hạn. Một số doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN hồi phục chậm sau các đợt khủng hoảng, nhiều doanh nghiệp được VDB áp dụng các biện pháp tín dụng như gia hạn nợ, khoan nợ, xóa lãi nhưng khả năng hồi phục rất hạn chế.

Còn xét về chính sách tài trợ vốn tín dụng của Nhà nước, mặc dù nguồn vốn TDĐT và TDXK của Nhà nước cũng như các nguồn vốn khác do DAF và VDB cung ứng hàm chứa trong đó khá nhiều ưu đãi, song các quy định của Nhà nước về việc sử dụng các loại vốn này cũng chưa thật sự tạo được sự hấp dẫn đối với khu vực KTTN. Chẳng hạn như:

- Do các nguồn vốn TDĐT và TDXK đều là vốn Nhà nước nên việc sử dụng các nguồn vốn này phải tuân thủ các quy định rất chặt chẽ của pháp luật liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau (đầu tư xây dựng, đấu thầu, kiểm toán báo cáo tài chính...).

Vì vậy, nhiều trường hợp doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN thiếu kinh nghiệm không thể hoàn thành đủ các thủ tục theo quy định để được vay vốn TDĐT và TDXK của Nhà nước.

- Danh mục đối tượng vay vốn TDĐT và TDXK của Nhà nước quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP đã có sự thu hẹp đáng kể so với danh mục đối tượng vay vốn quy định tại Nghị định số 151/2006/NĐ-CP và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP², do đó hạn chế khả năng tiếp cận của các doanh nghiệp (trong đó chủ yếu là doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN) đối với nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

- Quy định về lãi suất cho vay và tỷ lệ bảo đảm tiền vay tối thiểu trong hoạt động TDĐT và TDXK không có sự phân biệt giữa các doanh nghiệp vay vốn nên không thu hút được các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN có uy tín và có năng lực sản xuất kinh doanh. Thậm chí, do chậm được điều chỉnh nên lãi suất cho vay TDĐT và TDXK

của Nhà nước có những thời điểm còn cao hơn lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại, làm mất tác dụng khuyến khích doanh nghiệp vay vốn.

- Thẩm quyền xử lý rủi ro của VDB bị giới hạn nên việc xử lý rủi ro vốn TDĐT và TDXK thời gian qua gặp không ít vướng mắc do các biện pháp mà VDB được áp dụng nhiều khi không giải quyết triệt để rủi ro phát sinh hoặc không có tác dụng đáng kể trong việc hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn khắc phục khó khăn về tài chính. Vì thế, nhiều doanh nghiệp và dự án sau khi được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ vẫn không khôi phục được hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo nguồn thu trả nợ cho Nhà nước, từ đó không đủ điều kiện để tiếp tục vay vốn tại VDB.

- Sự không thống nhất trong quy định về trình tự thực hiện bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn ngân hàng thương mại giữa Thông tư số 47/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và Thông tư số 29/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam³ cũng làm phát sinh vướng mắc dẫn tới việc bảo lãnh của VDB cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (trong đó đa phần là doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN) vay vốn ngân hàng thương mại không thực hiện được.

- Do VDB được cung cấp rất ít dịch vụ đối với khách hàng vay vốn nên nguồn vốn cho vay của VDB thiếu tính tiện ích, chưa thực sự hấp dẫn đối với các doanh nghiệp vay vốn, trong đó có cả các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN...

3. Một số kiến nghị nhằm phát triển KTTN từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước

Để nâng cao hiệu quả và mở rộng quy mô tài trợ vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN, tạo điều kiện cho khu vực kinh tế này ngày càng phát triển và thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế như chủ trương đã được Đại hội lần thứ XII của Đảng đề ra, Chính phủ cần chỉ đạo Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan thực hiện một số giải pháp sau đây:

Một là, xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 75/2011/NĐ-CP về TĐĐT và TĐXK của Nhà nước và các văn bản pháp lý tạo hành lang cho hoạt động của VDB (Quy chế quản lý tài chính, Quy chế xử lý rủi ro...), trong đó đưa ra những quy định quan trọng nhằm khắc phục các bất cập của chính sách TĐĐT và TĐXK hiện nay (đối tượng, điều kiện, lãi suất, thủ tục vay vốn, tài sản bảo đảm tiền vay, cơ chế xử lý rủi ro...) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế (bao gồm cả KTTN) tiếp cận nguồn vốn tín dụng của Nhà nước. Một số nội dung quan trọng của chính sách này cần được xem xét sửa đổi là:

- Về lãi suất cho vay: thực hiện cơ chế phân biệt lãi suất cho vay theo khách hàng vay vốn nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN có uy tín và năng lực sản xuất kinh doanh được vay vốn với lãi suất thấp hơn so với các doanh nghiệp khác.

- Về bảo đảm tiền vay: cho phép VDB được quyết định tỷ lệ bảo đảm tiền vay tối thiểu đối với từng doanh nghiệp phù hợp với kết quả thẩm định của VDB đối với năng lực của doanh nghiệp vay vốn và hiệu quả của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN có năng lực sản xuất kinh doanh nhưng thiếu tài sản bảo đảm tiền vay được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

- Về xử lý rủi ro: mở rộng thẩm quyền của VDB trong việc quyết định các biện pháp xử lý rủi ro (bao gồm cả gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ lãi, xoá nợ gốc và bán nợ) phù hợp với mức độ rủi ro phát sinh và nguồn lực tài chính của VDB nhằm phát huy hiệu quả thực sự của việc xử lý rủi ro, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp gặp khó khăn có thể khôi phục được hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu trả nợ để tiếp tục vay vốn tại VDB.

Hai là, nghiên cứu để thống nhất quy định về trình tự bảo lãnh nêu tại Thông tư số 47/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và Thông tư số 29/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi để VDB triển khai nghiệp vụ bảo lãnh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (mà trong đó đa phần là doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN) vay vốn tại ngân hàng thương mại nhằm bổ sung nguồn vốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ba là, xây dựng và trình Chính phủ ban hành các văn bản pháp lý tạo hành lang cho hoạt động của VDB, trong đó cho phép mở

rộng hoạt động của VDB phù hợp với Chiến lược phát triển đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, không chỉ bao gồm TĐĐT và TĐXK mà còn bao gồm các nghiệp vụ cấp tín dụng khác như một tổ chức tín dụng thông thường theo quy định Luật Các tổ chức tín dụng, tạo điều kiện để VDB có thể phục vụ tốt hơn đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. ■

¹Chương trình này đã ngừng triển khai từ năm 2010 sau khi có ý kiến của Thanh tra Chính phủ và Kiểm toán Nhà nước.

²Tại Nghị định số 151/2006/NĐ-CP và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP, Chính phủ quy định đối tượng vay vốn TĐĐT gồm 24 loại dự án (không phân biệt dự án nhóm A, nhóm B hay nhóm C), đối tượng vay vốn TĐXK gồm 28 mặt hàng. Song đến khi Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ra đời thì đối tượng vay vốn TĐĐT chỉ còn lại 21 loại dự án (trong đó chủ yếu là dự án thuộc nhóm A và nhóm B), và đối tượng vay vốn TĐXK chỉ còn lại 19 mặt hàng. Các mặt hàng bị loại bỏ gồm: lạc nhân, trứng gia cầm, quế và tinh dầu quế, hàng thêu, ren, đồ gỗ thủ công mỹ nghệ, sản phẩm tơ tằm và sản phẩm lụa sản xuất từ tơ tằm, máy tính nguyên chiếc, phụ kiện máy tính.

³Thông tư số 47/2014/TT-BTC quy định VDB phát hành chứng thư bảo lãnh sau khi ngân hàng thương mại và doanh nghiệp ký hợp đồng tín dụng; còn Thông tư số 29/2014/TT-NHNN quy định VDB phát hành chứng thư bảo lãnh (trên cơ sở thông báo chấp thuận cho vay của ngân hàng thương mại) trước khi ngân hàng thương mại ký hợp đồng tín dụng với doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 (trình Đại hội lần thứ XII của Đảng).
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
- Nguyễn Cảnh Hiệp (2016), "Đổi mới hoạt động TĐĐT và TĐXK của Ngân hàng Phát triển Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 8 (459).
- Nguyễn Cảnh Hiệp (2016), "Hoàn thiện cơ chế xử lý rủi ro vốn TĐĐT và TĐXK của Nhà nước", Tạp chí Tài chính, Kỳ 1 - Tháng 8/2016 (638).
- Nguyễn Cảnh Hiệp (2016), "Hoàn thiện cơ chế lãi suất TĐĐT và TĐXK của Nhà nước hiện nay", Tạp chí Thị trường Tài chính - Tiền tệ, số 9 (450).
- Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 28/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Phát triển Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.